

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

BÙI ANH TUẤN

**CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG  
DÂN SỰ VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Trần Anh Tuấn

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ</b>	7
1.1. Khái niệm chế định hoà giải, đặc điểm và ý nghĩa của hoà giải trong tố tụng dân sự	7
1.1.1. Khái niệm về chế định hoà giải trong tố tụng dân sự	7
1.1.2. Đặc điểm của hoà giải trong tố tụng dân sự	11
1.1.3. Ý nghĩa của hoà giải trong tố tụng dân sự	15
1.2. Cơ sở của việc xây dựng chế định hoà giải trong tố tụng dân sự	17
1.3. Lược sử các quy định về hoà giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam	20
1.3.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1989	20
1.3.2. Giai đoạn từ 1989 đến 2005	26
1.3.3. Giai đoạn từ 2005 đến nay	28
1.4. Hoà giải theo quy định của một số nước trên thế giới	28
1.4.1. Hoà giải theo pháp luật tố tụng dân sự Pháp	29
1.4.2. Hoà giải theo pháp luật tố tụng dân sự Nhật Bản	31
1.4.3. Hoà giải theo pháp luật tố tụng dân sự Trung Quốc	33
1.4.4. Hoà giải theo pháp luật tố tụng dân sự Liên bang Nga	34
<b>Chương 2: NỘI DUNG CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH</b>	38
2.1. Các quy định về nguyên tắc hoà giải trong tố tụng dân sự	38
2.1.1. Nguyên tắc về trách nhiệm hoà giải của Tòa án	38

2.1.2. Nguyên tắc tiến hành hoà giải trong tố tụng dân sự	40
2.2. Các quy định về chủ thể trong hoà giải	42
2.2.1. Về chủ thể tiến hành hoà giải	42
2.2.2. Về chủ thể tham gia hoà giải	44
2.3. Các quy định về phạm vi hoà giải	45
2.3.1. Những vụ việc dân sự phải tiến hành hoà giải	45
2.3.2. Những vụ án dân sự không được hoà giải	46
2.3.3. Những vụ án dân sự không tiến hành hoà giải được	48
2.4. Các quy định về thủ tục hoà giải vụ án dân sự	49
2.4.1. Triệu tập đương sự và thủ tục giải quyết trong trường hợp đương sự vắng mặt	49
2.4.2. Thủ tục áp dụng trong trường hợp hoà giải không thành	52
2.4.3. Thủ tục áp dụng trong trường hợp hoà giải thành	52
2.4.4. Thủ tục áp dụng trong trường hợp các đương sự tự hoà giải	55
<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ</b>	59
3.1. Thực tiễn áp dụng chế định hoà giải trong tố tụng dân sự	59
3.1.1. Kết quả đạt được trong thực tiễn hoà giải vụ việc dân sự	59
3.1.2. Những vướng mắc, bất cập trong thủ tục hoà giải	63
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định hoà giải trong tố tụng dân sự	78
3.2.1. Kiến nghị về sửa đổi, bổ sung các quy phạm về hoà giải trong tố tụng dân sự	78
3.2.2. Kiến nghị về thực hiện chế định hoà giải vụ việc dân sự	85
<b>KẾT LUẬN</b>	90
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	91

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong dân gian đã có câu "vô phúc đáo tụng đình"; song lại có câu "đĩ hòa vi quý. Trong luật tố tụng dân sự (TTDS), luật cũng đề cao nguyên tắc hòa giải. Vì vậy, từ lâu hòa giải đã trở thành thủ tục bắt buộc trong TTDS. Không những vậy, pháp luật TTDS còn phải điều chỉnh hành vi của người tham gia tố tụng sao cho họ hòa giải với nhau tốt hơn là đưa vụ án ra xét xử. Phương pháp điều chỉnh của luật TTDS vì vậy hướng tới hai mục tiêu: Đảm bảo quyền khởi kiện, yêu cầu của các chủ thể thuộc quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; chú trọng tới việc khuyến khích các bên hòa giải, giải quyết tranh chấp bằng con đường thỏa hiệp.

Hòa giải thành giúp Tòa án giải quyết vụ án mà không phải mở phiên tòa, tiết kiệm thời gian, tiền của cho cơ quan nhà nước và nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật của nhân dân. Tuy nhiên, để áp dụng chế định hòa giải có hiệu quả, các quy định về hòa giải phải rõ ràng, cụ thể và thống nhất. Do vậy, chế định hòa giải vụ án dân sự trong pháp luật TTDS Việt Nam là một trong những vấn đề không chỉ được các nhà nghiên cứu, xây dựng pháp luật mà còn cả các nhà hoạt động thực tiễn quan tâm nghiên cứu.

Hòa giải đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật do Nhà nước ta ban hành từ trước tới nay như Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và luật tố tụng; Thông tư số 25/TATC ngày 30/11/1974 của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) hướng dẫn về công tác hòa giải trong TTDS, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994; Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án lao động năm 1996... Đặc biệt, các quy định về hòa giải trong TTDS được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) Việt Nam năm 2004 và được sửa đổi bổ sung năm 2011 đã đánh dấu một mốc quan trọng trong tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật của nước ta nói chung và hoàn thiện về chế định hòa giải các vụ việc dân sự nói riêng.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định về hòa giải trong TTDS cho thấy nhiều quy định của BLTTDS vẫn còn có những hạn chế, thiếu sót dẫn tới những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, làm ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả áp dụng chế định này trong thực tiễn tư pháp. Hiện tượng, các Tòa án lúng túng hoặc thiếu thống nhất trong việc áp dụng các quy định về hòa giải hoặc các quy định cứng nhắc của pháp luật đã không còn đáp ứng được đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp là những minh chứng cho thực trạng này. Do vậy, cần phải có những nghiên cứu chuyên sâu nhằm luận giải cả về lý luận, pháp luật và thực tiễn từ đó đề xuất những giải pháp tháo gỡ khó khăn là một việc làm hết sức cần thiết.

Với bối cảnh trên, là một cán bộ trực tiếp làm công tác xét xử, tôi muốn thông qua thực tiễn để xác định những điểm còn chưa hợp lý của các quy định về hòa giải trong pháp luật TTDS, từ đó có những kiến nghị trong việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển của đời sống kinh tế, xã hội của nước ta hiện nay và trong thời gian tới. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài "**Chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**" làm luận văn tốt nghiệp của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hòa giải là một vấn đề quan trọng trong việc giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án. Vì vậy, ngoài việc được Nhà nước quan tâm quy định trong các văn bản về pháp luật TTDS thì cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học pháp lý nghiên cứu về vấn đề này. Có thể thống kê một số luận văn, luận án tiêu biểu sau đây:

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Hòa giải trong tố tụng dân sự - thực tiễn và hướng hoàn thiện*", của Bùi Đăng Huy, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1996;

- Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Hòa giải trong tố tụng dân sự*" của Trương Kim Oanh, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn, 1996;

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Hòa giải trong giải quyết tranh chấp kinh tế tại Tòa án ở Việt Nam*", của Đào Thị Xuân Lan, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, 2004;

- Luận án tiến sĩ Luật học: "*Chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*", của Trần Văn Quảng, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2004.

Bên cạnh công trình nghiên cứu dưới hình thức luận văn, luận án, thì vấn đề lý luận về hòa giải cũng được đề cập khái quát trong Giáo trình Luật TTDS của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh v.v... Ngoài ra, còn có một số bài viết về thực tiễn hòa giải các vụ việc dân sự của các tác giả được đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân (TAND), Tạp chí Nhà nước và pháp luật; Tạp chí Kiểm sát, Báo Công lý như:

- "*Hoàn thiện chế định hòa giải trong tố tụng dân sự*", của Đào Thị Mai Hương, Tạp chí TAND, số 1, 1998;

- "*Hòa giải và tự thỏa thuận trong tố tụng dân sự, kinh tế và lao động*", của Phan Hữu Thụ, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 2, 1999;

- "*Vai trò và thủ tục hòa giải trong xét xử các tranh chấp lao động*", của Lê Văn Luật, Tạp chí TAND, số 16, 2004;

- "*Việc áp dụng các quy định về hòa giải trong tố tụng dân sự*", của Nguyễn Thị Thanh Hương, Tạp chí Kiểm sát, số 5, 2006;

- "*Tòa án ra quyết định phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các đương sự*", của Nguyễn Quốc Phong, Báo Công lý, số 72, ngày 06/9/2008;

- "*Hòa giải trong tố tụng dân sự của Việt Nam và Nhật Bản nhìn từ góc độ so sánh*", của Dương Quỳnh Hoa, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 02, 2008;

Mỗi công trình và mỗi bài viết trên nghiên cứu về hòa giải trong TTDS ở một khía cạnh riêng, nhưng phần lớn các công trình trên đều được tiếp cận nghiên cứu trước khi BLTTDS được ban hành năm 2004 và sửa đổi năm 2011. Cho đến nay thì luật pháp và thực tiễn về hòa giải trong TTDS đã có nhiều thay đổi. Chế định hòa giải vụ việc dân sự được hoàn thành trên cơ sở kinh tế - xã hội, phản ánh sâu sắc các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đương thời. Vì vậy, chế định hòa giải luôn

vận động và phát triển một cách khách quan trước yêu cầu của đời sống xã hội. Việc ban hành BLTTDS là một bước phát triển vượt bậc của hệ thống pháp luật TTDS, trong đó có chế định hòa giải vụ việc dân sự. Có thể nói, từ khi BLTTDS ra đời đến nay, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và chuyên sâu về chế định hòa giải trong pháp luật TTDS dưới cả ba góc độ lý luận, thực trạng chế định và thực tiễn thực hiện chế định.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là nghiên cứu làm rõ thêm những vấn đề lý luận về hòa giải, phân tích làm rõ nội dung của chế định hòa giải vụ việc dân sự trong BLTTDS, văn bản hướng dẫn cũng như thực hiện áp dụng những quy định này, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải nhằm nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải trong TTDS.

Để đạt được những mục đích trên, việc nghiên cứu đề tài có những nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Nghiên cứu bản chất, cơ sở lý luận của việc xây dựng nội dung chế định hòa giải tại Tòa án; nghiên cứu nội dung các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự tại Tòa án.

- Nhận diện những tồn tại, bất cập của các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự và tìm ra những giải pháp hoàn thiện các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về hòa giải, chế định hòa giải vụ việc dân sự như khái niệm, bản chất, ý nghĩa, cơ sở của chế định hòa giải vụ việc dân sự; các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự và thực tiễn áp dụng chúng trên thực tiễn nhằm tìm kiếm những giải pháp giải quyết những bất cập của các quy định này để nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải vụ việc dân sự trong TTDS.

Trong khuôn khổ của một luận văn cao học, đề tài chỉ giới hạn việc nghiên cứu hòa giải trong pháp luật Việt Nam và có mở rộng nghiên cứu so sánh với pháp luật một số nước như Pháp, Nga, Trung Quốc và Nhật Bản. Việc nghiên cứu thực tiễn cũng chủ yếu tiến hành đối với công tác hòa giải tại các Tòa án từ sau khi BLTTDS được ban hành, có chú trọng tới thực tiễn hòa giải tại nơi học viên công tác.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể cũng được sử dụng cho việc hoàn thành luận văn như phân tích, chứng minh, tổng hợp, diễn giải, so sánh, điều tra xã hội, lôgic, lịch sử v.v...

## **6. Những điểm mới về khoa học của luận văn**

Có thể nói rằng, từ khi BLTTDS có hiệu lực đến nay, luận văn này là công trình chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ và có hệ thống các quy định về hòa giải của Bộ luật này. Vì vậy, luận văn có những đóng góp mới về khoa học sau đây:

- Luận giải và làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về hòa giải và chế định hoà giải vụ việc dân sự.

- Đánh giá đầy đủ thực trạng của các quy định về hòa giải của BLTTDS, chỉ ra những vướng mắc trong quá trình áp dụng và những tồn tại, bất cập của chúng.

- Đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của BLTTDS về hòa giải vụ việc dân sự và nâng cao hiệu quả áp dụng chúng trong thực tiễn.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Khái quát về chế định hòa giải trong tố tụng dân sự.

*Chương 2:* Nội dung chế định hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng chế định hòa giải trong tố tụng dân sự và một số kiến nghị.

## **Chương 1**

### **KHÁI QUÁT VỀ CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ**

#### **1.1. Khái niệm chế định hoà giải, đặc điểm và ý nghĩa của hòa giải trong tố tụng dân sự**

##### **1.1.1. Khái niệm về chế định hòa giải trong tố tụng dân sự**

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm hòa giải: *Hòa giải trong tố tụng dân sự là việc các bên đương sự tự mình thương lượng, thỏa thuận về vụ việc sau khi Tòa án đã thụ lý vụ việc và hoạt động tố tụng do Tòa án trực tiếp tiến hành nhằm giúp các bên đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình, của đương sự mà họ đại diện, hướng dẫn, động viên các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định*; Khái niệm chế định hòa giải như sau: *Chế định hòa giải trong TTDS là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ pháp luật TTDS giữa Tòa án với các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong việc giúp các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự, hỗ trợ các bên ghi nhận thỏa thuận về vụ việc dân sự theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định.*

##### **1.1.2. Đặc điểm của hòa giải trong tố tụng dân sự**

Theo kết quả nghiên cứu thì hòa giải có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

- Hòa giải là sự thương lượng, thỏa thuận của chính các đương sự về quyền, lợi ích của mình.

- Hòa giải trong TTDS được tiến hành sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo sáng kiến của Tòa án, do Tòa án trực tiếp tiến hành hoặc theo sáng kiến của chính các đương sự trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự

- Hòa giải là một thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án

- Việc hòa giải phải vừa tích cực, vừa kiên trì

### **1.1.3. Ý nghĩa của hòa giải trong tố tụng dân sự**

- *Ý nghĩa về mặt tố tụng*

Việc hòa giải thành giúp Tòa án giải quyết vụ việc mà không phải mở phiên tòa, phiên họp tránh được việc kháng cáo, kháng nghị, khiếu nại, góp phần giảm bớt việc kéo dài những giai đoạn tố tụng không cần thiết như phúc thẩm, tái thẩm hay giám đốc thẩm. Đồng thời việc hòa giải thành cũng giải quyết dứt điểm vụ việc. Việc hòa giải thành sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án, tránh được những phức tạp nảy sinh trong quá trình thi hành án dân sự.

- *Ý nghĩa về mặt kinh tế*

Đối với những vụ án được giải quyết bằng hòa giải thì thời gian giải quyết vụ việc rất ngắn, nếu sự thỏa thuận của đương sự đạt được ở giai đoạn trước khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Vì vậy, việc hòa giải thành công không chỉ tiết kiệm thời gian, tiền của cho đương sự, mà còn ý nghĩa rất lớn đối với Tòa án, góp phần giúp Tòa án có thời gian giải quyết các vụ án khác, bảo vệ quyền lợi cho nhân dân.

- *Ý nghĩa về mặt xã hội*

Hòa giải thành sẽ giúp các đương sự hiểu biết, thông cảm cho nhau, khôi phục lại tình đoàn kết giữa họ, giúp họ giải quyết tranh chấp với tinh thần cởi mở, ngăn chặn kịp thời những hành vi phạm tội.

Như vậy, hòa giải đã củng cố tình đoàn kết trong nhân dân, giảm bớt những mâu thuẫn, góp phần vào việc giữ gìn an ninh trật tự, công bằng xã hội, đảm bảo cho các quan hệ xã hội phát triển lành mạnh.

## **1.2. Cơ sở của việc xây dựng chế định hòa giải trong tố tụng dân sự**

Chế định hòa giải trong tố tụng dân sự được các nhà làm luật xây dựng dựa trên những cơ sở sau đây:

- Chế định hòa giải được xây dựng trên cơ sở đường lối của Đảng về cải cách tư pháp

- Chế định hòa giải được xây dựng trên cơ sở quyền tự do, tự nguyện cam kết thỏa thuận trong các quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động

- Chế định hòa giải được xây dựng trên cơ sở quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự trong TTDS

- Chế định hòa giải trong TTDS được xây dựng phải bảo đảm bảo vệ có hiệu quả và hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong TTDS

- Chế định hòa giải trong TTDS được xây dựng trên cơ sở bảo đảm phù hợp với pháp luật nội dung và đạo đức xã hội

## **1.3. Lược sử các quy định về hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam**

### **1.3.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1989**

Cách mạng Tháng Tám thành công, trong các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thì thể lệ hòa giải vẫn được quy định là một giai đoạn tố tụng bắt buộc. Văn bản đầu tiên quy định về hòa giải là Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946.

Trong giai đoạn từ 1945 đến 1989, vấn đề hòa giải đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật và được hướng dẫn trong các thông tư (ví dụ: Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/04/1946, Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/05/1950; Thông tư số 61/HCTP ngày 09/05/1957 của Bộ Tư pháp; Luật Tổ chức Tòa án năm 1960; Thông tư 1080 ngày 25/09/1967; Thông tư số 25/TATC ngày 30/11/1974; Thông tư 81/TATC ngày 24/7/1981; Thông tư số 02/NCPL ngày 12/07/1985...), góp phần quan trọng trong việc giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp dân sự trong nhân dân. Tuy nhiên, những quy định này vẫn chưa có tính hệ thống, còn nằm rải rác ở

nhiều văn bản, còn có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định trong các văn bản pháp luật khác nhau.

### **1.3.2. Giai đoạn từ 1989 đến 2005**

Ngày 29/11/1989 Hội đồng Nhà nước đã thông qua Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, tiếp đó Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ngày 16/3/1994, Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động ngày 11/4/1996. Các Pháp lệnh này đều đề cập đến việc Tòa án phải giải quyết vấn đề hòa giải trong tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế và tố tụng lao động.

Sau này TANDTC cũng đã ban hành nhiều công văn hướng dẫn các Tòa án địa phương về hòa giải trong TTDS. Chẳng hạn như Công văn số 81/KHXX ngày 21/7/1997; Công văn số 120/KHXX ngày 27/10/1997 của TANDTC về TTDS; Công văn số 124/KHXX ngày 31/10/1997 TANDTC trả lời về thủ tục hòa giải; Công văn số 43/KHXX ngày 21/4/1998 của TANDTC trả lời về TTDS; Công văn số 16/KHXX/1999 của TANDTC giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và tố tụng; Công văn số 81/KHXX ngày 10/6/2002 của TANDTC v.v...

### **1.3.3. Giai đoạn từ 2005 đến nay**

Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 và gần đây nhất là BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2011, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2012 được ban hành đã khắc phục những tồn tại, bất cập trong các văn bản pháp luật trước đó về TTDS, kinh tế, lao động, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay. BLTTDS đã có nhiều quy định về hòa giải như nguyên tắc hòa giải (Điều 10); nguyên tắc tiến hành hòa giải (Điều 180); phạm vi hòa giải (Điều 181 và Điều 182); thông báo về phiên hòa giải (Điều 183); thành phần phiên hòa giải (Điều 184); nội dung hòa giải (Điều 185); trình tự hòa giải (Điều 185a); biên bản hòa giải (Điều 186); ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Điều 187); hiệu lực quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Điều 188). Những quy định này tạo cơ sở pháp lý mới cho Tòa án trong việc hòa giải các vụ án dân sự.

### **1.4. Hòa giải theo quy định của một số nước trên thế giới**

Với mong muốn học tập kinh nghiệm, tiếp thu những yếu tố hợp lý của pháp luật TTDS nước ngoài về hòa giải, vận dụng có chọn lọc, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam, tác giả luận văn đã nghiên cứu pháp luật một số nước điển hình về hòa giải, bao gồm:

#### **1.4.1. Hòa giải theo pháp luật tố tụng dân sự Pháp**

#### **1.4.2. Hòa giải theo pháp luật tố tụng dân sự Nhật Bản**

#### **1.4.3. Hòa giải theo pháp luật tố tụng dân sự Trung Quốc**

#### **1.4.4. Hòa giải theo pháp luật tố tụng dân sự Liên bang Nga**

## **Chương 2**

### **NỘI DUNG CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Các quy định về nguyên tắc hòa giải trong tố tụng dân sự**

##### **2.1.1. Nguyên tắc về trách nhiệm hòa giải của Tòa án**

Điều 10 BLTTDS sửa đổi bổ sung năm 2011 quy định: "Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật".

Việc Tòa án hỏi các đương sự có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án thực chất là việc Tòa án kiểm tra xem các đương sự có tự hòa giải được với nhau hay không. Nếu các đương sự tự thỏa thuận được với nhau và việc thỏa thuận đó là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội thì Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận đó. Mặc dù có kết quả giống nhau nhưng việc Tòa án tiến hành hòa giải sẽ khác về bản chất với trường hợp các đương sự tự hòa giải, đây là hai trường hợp khác nhau trong TTDS.

Điều 10 BLTTDS hiện nay quy định về trách nhiệm của Tòa án trong việc tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự. Tuy nhiên, các văn bản

hướng dẫn về vấn đề này hiện nay cũng không có sự cụ thể hóa đối với những việc dân sự nào trong số những việc dân sự thuộc thẩm quyền dân sự của Tòa án tại các điều 26, 28, 30, 32 BLTTDS thì Tòa án bắt buộc phải tiến hành hòa giải trước khi mở phiên họp để giải quyết việc dân sự.

### **2.1.2. Nguyên tắc tiến hành hòa giải trong tố tụng dân sự**

#### **2.1.2.1. Phải có sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự**

Việc bảo đảm tính tự nguyện này được cụ thể hóa tại khoản 2 Điều 180 BLTTDS, theo đó thì khi hòa giải Tòa án phải tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình. Khi các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận tức là các đương sự tự lựa chọn, quyết định các vấn đề tranh chấp bằng hòa giải và thương lượng, thỏa thuận với nhau giải quyết các vấn đề của vụ án. Tự nguyện thỏa thuận còn có ý nghĩa các đương sự tự do về mặt ý chí và tự do về việc bày tỏ ý chí. Nếu thiếu một trong hai điều kiện này hoặc việc bày tỏ ý chí không phải từ tự do ý chí thì sẽ không có yếu tố tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự và ngược lại.

#### **2.1.2.2. Việc hòa giải không trái pháp luật, đạo đức xã hội**

Khi Tòa án tiến hành hòa giải để giải quyết vụ việc dân sự ngoài yếu tố tự nguyện thỏa thuận của các đương sự thì việc Tòa án hòa giải còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục hòa giải và phạm vi hòa giải vụ án dân sự theo pháp luật quy định.
- Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội (điểm b khoản 2 Điều 180 BLTTDS).

### **2.2. Các quy định về chủ thể trong hòa giải**

#### **2.2.1. Về chủ thể tiến hành hòa giải**

Khoản 1 và 2 Điều 184 BLTTDS có quy định những người tiến hành hòa giải bao gồm Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải, thư ký Tòa án ghi biên bản hòa giải.

#### **- Nhiệm vụ của Thẩm phán tại phiên hòa giải**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 41 BLTTDS, Thẩm phán tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật này và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Lần đầu tiên trách nhiệm hòa giải của Thẩm phán được quy định cụ thể trong BLTTDS đã khắc phục được quan niệm cho rằng Tòa án hòa giải thì bất kỳ cán bộ nào của Tòa án cũng có thể tiến hành hòa giải. Việc quy định rõ ràng quyền hạn của Thẩm phán sẽ nâng cao trách nhiệm của họ trong việc hòa giải làm cho công tác hòa giải đạt kết quả cao.

Thẩm phán trong khi tiến hành hòa giải phải có thái độ khách quan, vô tư, không cưỡng ép, không để đương sự biết dự liệu của Tòa án về xét xử vụ án, phải giải thích rõ ràng, để hiểu quyền và nghĩa vụ liên quan đến đương sự trong vụ án. Đương sự sau khi nghe Thẩm phán phổ biến pháp luật, tham khảo các vấn đề Thẩm phán nêu ra từ đó tự nguyện thương lượng. Nếu hòa giải thành, Thẩm phán ra quyết định công nhận hòa giải thành. Nếu không hòa giải được thì tùy từng trường hợp Thẩm phán sẽ ra các quyết định khác.

#### **- Nhiệm vụ của thư ký Tòa án**

Thư ký Tòa án không chủ trì việc hòa giải như Thẩm phán. Thư ký Tòa án tham gia vào quá trình hòa giải với trách nhiệm ghi biên bản hòa giải. Trong mọi trường hợp, thư ký Tòa án không được thay thế Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải. Việc ghi biên bản hòa giải của thư ký Tòa án phải được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 186 BLTTDS. Thư ký Tòa án phải chịu trách nhiệm về việc ghi biên bản hòa giải của mình. Theo quy định tại Điều 186 BLTTDS thì việc hòa giải được Thư ký Tòa án ghi vào biên bản. Thư ký Tòa án phải ghi rõ vào biên bản hòa giải các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm tiến hành phiên hòa giải;
- Địa điểm tiến hành phiên hòa giải;
- Thành phần tham gia phiên hòa giải;



- Ý kiến của các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự;

- Những nội dung đã được các đương sự thỏa thuận, không thỏa thuận.

Sau khi biên bản hòa giải được lập thư ký phải lấy đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của các đương sự có mặt trong phiên hòa giải, chữ ký của Thư ký Tòa án ghi biên bản và của Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải.

### **2.2.2. Về chủ thể tham gia hòa giải**

Theo khoản 3 và khoản 4 Điều 184 BLTTDS thì những người tham gia hòa giải bao gồm:

- Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự;

- Người phiên dịch, nếu đương sự không biết tiếng Việt.

Theo Điều 56 BLTTDS thì đương sự trong vụ án dân sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo các quy định tại Điều 311, Điều 313 BLTTDS thì đương sự trong việc dân sự bao gồm người yêu cầu, người liên quan trong việc giải quyết yêu cầu. Đây chính là các chủ thể của hòa giải được quyết định những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích của mình. Như vậy, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự và đương sự trong việc dân sự phải có mặt khi hòa giải.

Đối với người bảo vệ quyền lợi cho đương sự BLTTDS thì không có quyền tham gia hòa giải mà chỉ có mặt để trợ giúp cho thân chủ của mình về mặt pháp lý (Điều 64 BLTTDS sử dụng thuật ngữ "tham gia việc hòa giải). Theo quy định tại các điều 73, 74, 76 BLTTDS thì người đại diện của đương sự bao gồm người đại diện theo pháp luật, người đại diện do Tòa án chỉ định và người đại diện theo ủy quyền. Đối với người đại diện theo pháp luật, người đại diện do Tòa án chỉ định thì đương nhiên được tham gia hòa giải vụ việc dân sự. Nhưng đối với người đại diện theo ủy quyền thì chỉ được tham gia hòa giải nếu đương sự có ủy quyền cho họ tham gia hòa giải.

## **2.3. Các quy định về phạm vi hòa giải**

### **2.3.1. Những vụ việc dân sự phải tiến hành hòa giải**

Căn cứ vào tính chất của vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền dân sự của Tòa án, pháp luật TTDS đã có những quy định về phạm vi những loại việc mà Tòa án phải tiến hành hòa giải trước khi tiến hành xét xử sơ thẩm.

Theo Điều 180 BLTTDS thì các vụ án mà Tòa án phải tiến hành hòa giải là tất cả các vụ án có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đối với những vụ án mà Tòa án cấp tỉnh giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì việc tiến hành hòa giải vụ án trước khi xét xử sơ thẩm là một thủ tục bắt buộc. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm thì BLTTDS không quy định Tòa án có trách nhiệm hòa giải tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm chỉ hỏi xem các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết hay không.

Bộ luật Tố tụng dân sự hiện nay quy định là Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự. Theo quy định này thì Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải đối với cả vụ án dân sự và việc dân sự không có tranh chấp.

### **2.3.2. Những vụ án dân sự không được hòa giải**

Điều 181 BLTTDS quy định về các trường hợp không phải tiến hành hòa giải như sau:

- Yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước

Theo tác giả luận văn thì quy định tại khoản 1 Điều 181 BLTTDS nêu trên là chưa thực sự phù hợp. Việc không cho phép hòa giải trong trường hợp trên sẽ là một bất hợp lý. Ngoài ra, pháp luật dân sự cũng cho phép nếu thiệt hại quá lớn so với khả năng trước mắt và lâu dài của bên gây thiệt hại thì Tòa án cũng có quyền can nhắc. Vấn đề quan trọng là thỏa thuận của các bên không được trái với pháp luật, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.

- Những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội

Đây chính là các giao dịch dân sự vô hiệu nên khi giải quyết các vụ án này Tòa án sẽ giải quyết theo hướng tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì về mặt pháp lý quyền và nghĩa vụ giữa các bên không được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 đã có những hướng dẫn theo hướng mở rộng hơn phạm vi hòa giải đối với vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật. Theo đó, Tòa án không được hòa giải vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật (giao dịch vi phạm điều cấm của pháp luật) hoặc trái đạo đức xã hội, nếu việc hòa giải nhằm mục đích để các bên tiếp tục thực hiện các giao dịch đó. Trường hợp các bên chỉ có tranh chấp về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu do trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội, thì Tòa án vẫn phải tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu đó.

### **2.3.3. Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được**

Những vụ án dân sự không hòa giải được quy định tại Điều 182 BLTTDS. Mặc dù Điều 10 và khoản 1 Điều 180 BLTTDS đã khẳng định hòa giải vụ án là nguyên tắc, Tòa án phải tiến hành trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng đối với một số vụ án vì điều kiện khách quan mà Tòa án không tiến hành hòa giải được. Trong những trường hợp này nếu Tòa án cố tình hòa giải thì việc giải quyết vụ án cũng không đạt kết quả và cũng không thực hiện được mục đích của hòa giải. Những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được bao gồm:

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt;
- Đương sự không thể tham gia hòa giải được vì lý do chính đáng;
- Đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.

## **2.4. Các quy định về thủ tục hòa giải vụ án dân sự**

### **2.4.1. Triệu tập đương sự và thủ tục giải quyết trong trường hợp đương sự vắng mặt**

Trước khi tiến hành phiên hòa giải, Tòa án phải thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự biết về thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, nội dung các vấn đề cần hòa giải (Điều 183 BLTTDS). Đây là quy định mới của BLTTDS.

Tại phiên hòa giải, Thẩm phán sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh sự có mặt, vắng mặt của các đương sự và xử lý trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải.

- *Trường hợp vắng mặt nguyên đơn:* Nếu trong vụ án chỉ có một nguyên đơn mà nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt thì Tòa án hoãn hòa giải và tiếp tục triệu tập phiên hòa giải sau. Nếu nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì theo điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

- *Trường hợp vắng mặt bị đơn:* Tại phiên hòa giải nếu Tòa án triệu tập lần thứ nhất nhưng bị đơn không đến thì Tòa án sẽ ra quyết định hoãn phiên hòa giải. Trong trường hợp bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, thì Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Trong trường hợp tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa để tiến hành hòa giải, thì Tòa án không chấp nhận, nhưng cần tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án (Điều 16 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012).

Tuy nhiên, nếu triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn không có mặt thì lần này nếu các đương sự có mặt không đồng ý hòa giải thì Tòa án sẽ lập biên bản không hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- *Trường hợp vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 184 BLTTDS thì nếu trong một vụ án có

nhiều đương sự, mà có đương sự vắng mặt trong phiên hòa giải, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt. Nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải. Các quy định trên đây có thể vận dụng cho các vụ án dân sự có nhiều nguyên đơn mà một hoặc một số nguyên đơn vắng mặt.

#### **2.4.2. Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải không thành**

Đối với những vụ việc không được hòa giải, không có điều kiện để tiến hành hòa giải hoặc với những vụ việc mà việc hòa giải không đạt được kết quả và không có căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc thì Tòa án phải lập biên bản hòa giải không thành và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm hoặc mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm hoặc mở phiên họp giải quyết việc dân sự phải có các nội dung theo quy định tại Điều 195 BLTTDS.

#### **2.4.3. Thủ tục áp dụng trong trường hợp hòa giải thành**

Trong trường hợp hòa giải thành, thủ tục áp dụng bao gồm:

- Thủ tục ra quyết định công nhận.
- Thủ tục trong trường hợp đương sự thay đổi ý kiến sau khi có biên bản hòa giải thành.
- Thủ tục áp dụng trong trường hợp Tòa án hòa giải thành và đương sự rút đơn khởi kiện.

#### **2.4.4. Thủ tục áp dụng trong trường hợp các đương sự tự hòa giải**

Thủ tục áp dụng trong trường hợp các đương sự tự hòa giải bao gồm:

- Thủ tục trong trường hợp các đương sự tự hòa giải trước khi mở phiên tòa sơ thẩm

Trong trường hợp các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (điểm đ khoản 1 Điều 192 BLTTDS).

- Về thủ tục trong trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề tranh chấp tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm

BLTTDS được xây dựng trên tinh thần "việc dân sự cốt ở hai bên" cho nên Tòa án chỉ có trách nhiệm hòa giải các vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, còn đối với các giai đoạn tiếp theo thì Tòa án không hòa giải mà Tòa án chỉ tạo điều kiện để các bên tự hòa giải.

Tại phiên tòa phúc thẩm nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận này phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Nếu xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội, thì Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **Chương 3**

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG CHẾ ĐỊNH HÒA GIẢI TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

### **3.1. Thực tiễn áp dụng chế định hòa giải trong tố tụng dân sự**

#### **3.1.1. Kết quả đạt được trong thực tiễn hòa giải vụ việc dân sự**

Theo kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tiễn và các báo cáo tổng kết công tác xét xử hàng năm của TANDTC từ năm 2004 đến năm 2012 cho thấy các vụ án dân sự hòa giải thành chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ việc dân sự đã được giải quyết. Cụ thể là:

- Năm 2004, các Tòa án đã chú trọng tới công tác hòa giải và đã hòa giải thành được 39% số vụ án đã giải quyết. Nhiều Tòa án hòa giải thành đạt tỷ lệ tới 50% giúp cho việc giải quyết các vụ án dân sự được nhanh chóng.
- Năm 2005, tỷ lệ hòa giải chiếm 38%.
- Năm 2006, Tòa án hòa giải thành đạt trên 40% các vụ việc dân sự đã giải quyết, nhiều Tòa án có tỷ lệ hòa giải thành đạt tới 50-60%.

- Năm 2007, các Tòa án đã quan tâm làm tốt công tác hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự nên tỷ lệ các vụ việc dân sự được hòa giải thành chiếm 45% tổng số các vụ việc dân sự đã giải quyết.

- Năm 2008, tỷ lệ các vụ việc dân sự được giải quyết bằng hòa giải thành chiếm 44%.

- Năm 2009, tỷ lệ các vụ việc được giải quyết bằng hòa giải thành chiếm tỷ lệ 45% tổng dân các vụ việc dân sự đã giải quyết.

- Năm 2010, tỷ lệ các vụ việc được giải quyết bằng hòa giải thành chiếm 51,3% tổng số các vụ án đã giải quyết.

- Năm 2011, Các Tòa án đã thực sự quan tâm làm tốt công tác hòa giải, nên tỷ lệ hòa giải thành chiếm 50% trong tổng số các vụ việc dân sự đã giải quyết.

- Năm 2012, tỷ lệ hòa giải thành trong việc giải quyết các vụ việc dân sự trong năm qua là 51%. Một số Tòa án có tỷ lệ hòa giải thành cao như: ngành TAND Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội (60%)

### **3.1.2. Những vướng mắc, bất cập trong thủ tục hòa giải**

Theo kết quả nghiên cứu ở trên thì thực tiễn công tác hòa giải tại Tòa án đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, thực tiễn công tác hòa giải cũng cho thấy còn tồn tại những hạn chế, khó khăn, bất cập cần phải có giải pháp để khắc phục, đó là:

- Một số Tòa án, Thẩm phán chưa quan tâm đúng mức đến công tác hòa giải.

- Hiện tượng Thẩm phán công nhận sự thỏa thuận trái pháp luật giữa các đương sự vẫn còn tồn tại.

- Hiện tượng Thẩm phán công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự nhưng không bảo đảm sự tự nguyện thực sự của đương sự.

- Hiện tượng Thẩm phán áp đặt ý chí hoặc nói trước với đương sự về kết quả xét xử sơ thẩm nếu các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau vẫn còn tồn tại.

- Hiện tượng hòa giải kéo dài, vi phạm về thời hạn tố tụng vẫn còn tồn tại.

- Hiện tượng vi phạm về chủ thể có thẩm quyền hòa giải (Thư ký Tòa án hoặc Thẩm phán không được phân công giải quyết vụ án tiến hành hòa giải) vẫn còn tồn tại.

- Hiện tượng đương sự không hợp tác, vắng mặt nhiều lần khi Thẩm phán tiến hành hòa giải vẫn còn tồn tại.

- Khó khăn khi triệu tập các đương sự tham gia hòa giải trong các vụ án thừa kế do có quá nhiều đương sự.

- Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bị hủy theo thủ tục tái thẩm phát hiện tình tiết mới.

- Điều 10 BLTTDS chưa quy định rõ ràng về các việc dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm phải tiến hành hòa giải dẫn tới những vướng mắc nhất định trong thực tiễn.

- Quy định tại khoản 1 Điều 181 BLTTDS về phạm vi hòa giải là chưa phù hợp.

- Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định như thế nào là vắng mặt có lý do chính đáng.

- Quy định về phạm vi hòa giải đối với giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội trong BLTTDS và BLDS còn có sự mâu thuẫn.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định hòa giải trong tố tụng dân sự**

#### **3.2.1. Kiến nghị về sửa đổi, bổ sung các quy phạm về hòa giải trong tố tụng dân sự**

Trên cơ sở tổng hợp toàn bộ kết quả nghiên cứu lý luận, hạn chế của pháp luật và thực tiễn hòa giải tại Tòa án, luận văn đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật sau đây:

- BLTTDS cần phải sửa đổi quy định về nguyên tắc tiến hành hòa giải, về phạm vi hòa giải đối với các giao dịch dân sự

- Tách Điều 180 BLTTDS thành hai điều luật riêng biệt với nội dung phù hợp

- Bổ sung nội dung bình đẳng, trung thực vào nguyên tắc hòa giải tại Điều 180 BLTTDS

- Cần có quy định cụ thể về những việc dân sự mà Tòa án phải tiến hành thủ tục hòa giải

- Cần quy định vấn đề hòa giải trong trường hợp có yêu cầu đòi bồi thường về việc gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước

- Sửa đổi quy định tại Điều 182 BLTTDS về trường hợp đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng

- Bổ sung quy định về hiệu lực của biên bản hòa giải thành

- Bộ luật Tố tụng dân sự cần được bổ sung quy định về thủ tục trong trường hợp các đương sự có thỏa thuận lại sau khi Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành

- Cần quy định Hội đồng xét xử xem xét việc có công nhận thỏa thuận của các đương sự hay không tại phòng nghị án

- Bổ sung vào BLTTDS quy định về việc công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự tại phiên tòa sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã nghị án

- Bổ sung quy định về việc khuyến khích hòa giải trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm hoặc tại thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

- Nên quy định về trường hợp đương sự không thỏa thuận được vấn đề án phí trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm

- Bổ sung quy định về công nhận kết quả hòa giải cơ sở

### **3.2.2. Kiến nghị về thực hiện chế định hòa giải vụ việc dân sự**

Tác giả luận văn đề xuất một số kiến nghị về thực hiện chế định hòa giải vụ việc dân sự, bao gồm:

- Thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật về hòa giải nói riêng trong nhân dân

- Chú trọng công tác hòa giải cơ sở, tạo tiền đề cho việc công nhận kết quả hòa giải cơ sở tại Tòa án

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng hòa giải của Thẩm phán

- Thẩm phán cần chuẩn bị chu đáo trước khi tiến hành hòa giải và phải kiên trì hòa giải

## **KẾT LUẬN**

Hòa giải trong pháp luật TTDS Việt Nam là một chế định đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, góp phần giải quyết nhanh chóng vụ án, giảm bớt số lượng vụ việc mà Tòa án phải giải quyết, tiết kiệm được thời gian và tiền bạc cho Nhà nước và đương sự.

Bản luận văn đã làm sáng tỏ được những vấn đề lý luận căn bản về hòa giải, chế định hòa giải, cơ sở khoa học của việc xây dựng các quy định về chế định hòa giải, lược sử các quy định về hòa giải trong TTDS Việt Nam và kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về vấn đề hòa giải.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận, luận văn đã luận giải và chỉ ra được những hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam hiện hành về hòa giải như hạn chế trong các quy định về nguyên tắc hòa giải, về phạm vi loại việc phải hòa giải và sự thiếu mềm dẻo trong các quy định về thủ tục tiến hành hòa giải. Luận văn cũng đi sâu nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định về hòa giải để thấy rõ hơn những bất cập trong thực tiễn áp dụng, tìm kiếm những nguyên nhân của bất cập, tạo cơ sở cho những đề xuất về hòa giải.

Trên cơ sở tổng hợp toàn bộ kết quả nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn hòa giải tại Tòa án trong những năm qua, so sánh với pháp luật tố tụng nước ngoài, luận văn đã mạnh dạn đưa ra kiến nghị về những vấn đề chưa cụ thể, chưa hợp lý trong các quy định về hòa giải và kiến nghị một số giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc, khó khăn đang tồn tại trong áp dụng, nâng cao hơn nữa hiệu quả của hòa giải trong việc giải quyết các vụ việc dân sự.